TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 5 – 2023
V/v ly hôn T – Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Bội T, sinh năm 1998 nơi cư trú: Số C, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997 nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 03/11/2022 và lời khai của nguyên đơn chị Võ Thị Bội T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 14 tháng 02 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, do anh Đ1 thường xuyên uống rượu với bạn bè, không quan tâm đến đời sống vợ chồng, không chăm sóc con chung dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trong, chị xin ly hôn anh Đ.

Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Võ Kim N, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019, hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt khi hòa giải, xét xử là vi phạm quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho chị Võ Thị B Tuyền được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Chị T và anh Đ có 01 con chung, giao chị T được tiếp tục nuôi con chung. Chị T không yêu cầu nên không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ yêu nhau, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp ngày 14/02/2019 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Chị T cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do vợ chồng đều làm công nhân ở Thanh phố H và tỉnh Đồng Nai, có con nhỏ nhưng anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè, uống rượu, không tiếp chị chăm sóc con, tiền lương hàng tháng anh Đ gửi về hết cho gia đình anh, không đưa chị để cùng lo cho gia đình. Chị T và anh Đ không còn chung sống và vợ chồng ly thân từ năm

2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn anh Đ.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết: Anh Đ có nơi cư trú tại khóm T, thị trấn P, huyện P, An Giang. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh Đ, địa phương không biết.

Chị T và anh Đ là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống và ly thân hai năm nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị T ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Võ Kim N, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019 chị T đang nuôi đưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2021 đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, để ổn định cuộc sống của cháu N nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Bội T,

Chị Võ Thị Bội T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 14/02/2019 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp cho chị T và anh Đ không còn giá trị pháp lý.

Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Võ Kim N, sinh ngày 04/3/2019 đang sống với chị T. Giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh Đ đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Chị T và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005769 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị T không còn phải nộp thêm án phí

Chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- UBND tt P, huyện P;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn